

BƯỚC ĐẦU BƯỚC ĐẦU KHẢO SÁT VĂN BẢN CÁC SẮC THẦN Ở VIỆT NAM

Trần Văn Chánh*

I. Sơ lược tục thờ thần ở Việt Nam

Ở Việt Nam, theo truyền thống, mỗi làng xã lớn nhỏ đều có ngôi đình thờ thần Thành hoàng và các Phúc thần. Thành hoàng là vị thần cai quản trong khu vực khung thành (*thành* là thành quách, thành lũy, *hoàng* là hào lũy), còn Phúc thần là những nhân thần, lúc sinh tiền là một danh nhân có công với dân tộc hoặc một địa phương.

Phúc thần chia ra làm:

- *Thượng đẳng thần*, có thể là những vị thần có nhiều sự linh ứng như Liễu Hạnh, Phù Đổng Thiên Vương... hoặc những nhân thần có công giữ nước như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo...

- *Trung đẳng thần*, do dân làng thờ từ lâu đời, biết tên họ nhưng không rõ công trạng, chức tước, hoặc những vị từng được tín ngưỡng qua những dịp cầu đảo (như cầu mưa, cầu chấm dứt dịch bệnh).

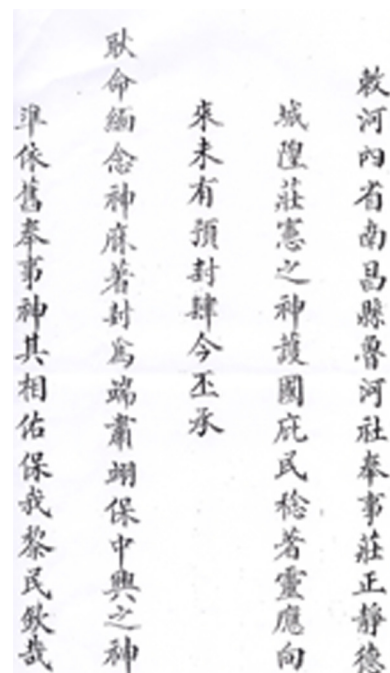
- *Hạ đẳng thần*, do dân thờ cúng từ lâu, được triều đình ban sắc theo ý dân đạo đặt lên nhưng lý lịch thường chưa rõ.

Thượng đẳng thần và Trung đẳng thần được ghi vào Tự điển của triều đình, phải cúng tế theo quy chế ấn định. Nói như cụ Phan Kế Bính trong sách *Việt Nam phong tục* thì “dân Việt Nam tin rằng đất có Thổ công, sông có Hà bá, cảnh thổ nào phải có Thành hoàng ấy, vậy phải thờ để thần ủng hộ cho dân, vì thế mỗi ngày việc sự thần một thịnh”.

Đình thần là biểu tượng cơ bản của văn hóa làng xã Việt Nam, đồng thời cũng là cơ sở tín ngưỡng có tính chất dân gian truyền thống, đã tồn tại và phát triển mãi cho tới ngày nay. Ngoài ý nghĩa thuộc về tín ngưỡng, đình còn được coi là ngôi nhà công cộng của làng, là nơi hội họp, lễ lạt và vui chơi của cộng chúng. Nhiều người đi tha phương cầu thực, hàng năm nếu có điều kiện cũng cố về thăm quê trong dịp lễ cúng đình, bởi họ khó quên được cái hình ảnh “giếng nước, đình làng” ở nơi chôn nhau cắt rốn.

II. Sắc thần

Sắc 敕 là văn bản của vua chúa phong thưởng cho thần dân hoặc bách thần. Việc thần Thành hoàng được vua phong sắc có ý nghĩa rất quan trọng, vì đó là



Sắc thần xã Lỗ Hà, huyện Nam Xương, Hà Nội, năm 1889

* Thành phố Hồ Chí Minh.

sự công nhận chính thức của người đứng đầu nhà nước phong kiến về sự hợp pháp của làng. Thông thường thì việc lập đình và thờ cúng được thực hiện trước rồi sắc mới đến sau một thời gian khá lâu, do đề nghị của dân lên các quan địa phương để những vị này đạo đạt lên triều đình. Trong thời gian chưa được ban sắc, dân chúng vẫn cúng tế, gọi là “thờ vọng”, theo nghĩa sắc sớm muộn gì cũng đến.

Sắc thần của vua ban được coi là một bảo vật nên thường phải có chỗ cất riêng để bảo quản cho chắc chắn, tránh nạn mất cắp hoặc phá phách. Sắc thường để ở nhà việc, nơi được canh gác cẩn thận hoặc giao cho một người có uy tín giữ (như vị Hương cả trong làng), cũng có khi cử riêng một vị Thủ sắc để giữ. Có nơi sắc được để trong miếu, còn gọi là *nghe*. Đến ngày tế lễ, thường vào dịp Kỳ yên (trong tháng Giêng âm lịch), dân chúng trong làng tổ chức long trọng lễ rước sắc thần để đưa sắc từ nơi cất giữ về đình cử hành tế lễ, gọi là *lễ thỉnh sắc*. Sắc thần được để tại đình trong suốt ba ngày tế lễ, đến chiều ngày thứ ba mới đưa sắc trả lại nơi cất giữ, gọi là *hồi sắc*.

III. Hình thức và nội dung sắc thần

A. Hình thức và nội dung tổng quát của sắc thần

Tất cả các sắc thần đều được viết bằng chữ Nho, thể chữ chân phương rõ và đẹp trên tấm lụa hình chữ nhật khổ khoảng 6tấc x 12tấc có thếp vàng và trang trí hoa văn hình rồng, mây biểu tượng cho thiên tử.

Bên phải tờ sắc là phần nội dung chính của sắc thần, dài khoảng 70 đến 100 chữ; thỉnh thoảng mới có những tờ sắc dài hơn 100 chữ, do phải liệt kê nhiều tên thần và các danh hiệu truy tặng.

Khởi đầu bài sắc luôn là chữ *Sắc 敕* (có nghĩa là mệnh lệnh, chiếu thư hay chỉ dụ của hoàng đế), rồi đến tên tỉnh, huyện, xã, thôn nơi có thờ thần. Kế tiếp là thừa nhận vị thần đang nói (trong bài sắc) từ lâu đã từng tỏ rõ linh ứng nhưng chưa được phong tặng, nay mới phong rõ cho thần mỹ hiệu là thần gì, đẳng cấp ra sao và cho dân sở tại được tiếp tục thờ tự như cũ để thần phù hộ cho dân của nhà vua.

Tựu trung, sắc thần là văn bản chính thức của vua ban để thừa nhận và phong tặng hoặc truy tặng thêm danh hiệu cho một hay nhiều vị thần được dân chúng địa phương đang thờ phượng và tín ngưỡng.

Cuối nội dung bài sắc luôn luôn có hai chữ *Khâm tai 欽哉* (Kính vậy thay!), rồi đến niên hiệu, ngày tháng phong sắc; các số ghi ngày tháng luôn luôn được viết theo lối chữ kép, như *Thập nhất nguyệt, thập bát nhật* thì viết là 拾壹月拾捌日 (chứ không ghi theo lối chữ đơn thông thường: 十一月十八日).

Chỗ dòng chữ ghi niên hiệu, ngày tháng, có đóng đề lên một con dấu son vuông lớn.

Nơi cuối cùng, bên trái, thỉnh thoảng có tờ sắc có ghi thêm nơi sao lục như *Bắc Kỳ Kinh lược nha phụng lục, Hà Nam tỉnh phụng sao* v.v... Trên những dòng đó cũng có đóng con dấu vuông của cơ quan đã sao lục.

B. Phân tích văn bản sắc thần

Sắc thần ở Việt Nam còn tìm được phần lớn là do các vua triều Nguyễn phong ban (họa hoàn lắm mới thấy có những sắc thần vào cuối triều Lê). Chỉ tính riêng trong năm Tự Đức thứ 5 (1852), nhà vua đã ban cấp một loạt đến 13.069 sắc thần cho cả nước.

Khảo sát trên 150 sắc thần mà hiện chúng tôi đã sưu tầm và giữ được (phần lớn của các tỉnh miền Bắc), cho thấy văn bản các bài sắc đều có một định thức tương đối thống nhất về hành văn, câu chữ và cách dùng từ. Nhìn chung, các sắc thần cũng hơi giống như tám bằng danh dự mà Nhà nước tặng cho những người có công, khác nhau chủ yếu ở tên các địa phương và tên thần, phần còn lại là những câu chữ viết theo định thức của lối công văn thời xưa mà việc phân tích những câu chữ này sẽ giúp chúng ta ngày nay đọc hiểu và dịch đúng các sắc thần, trên cơ sở đó hiểu tường tận hơn tục thờ thần, cũng như quan điểm của các vua chúa phong kiến và của nhân dân đối với tục lệ thờ phượng truyền thống rất quan trọng này.

Để tiện việc phân tích, chúng tôi xin ghi ra nội dung một bản sắc thần tiêu biểu, tương đối ngắn gọn, do vua Thành Thái (1889-1907) ban cho xã Lỗ Hà, huyện Nam Xương, tỉnh Hà Nội trong niên hiệu Thành Thái nguyên niên (1889).

Phiên âm

Sắc Hà Nội tỉnh, Nam Xương huyện, Lỗ Hà xã phụng sự Trang Chính Tĩnh Đức Thành Hoàng Trang Hiến chi thần hộ quốc tế dân nhẫm trú linh ứng, hướng lai vị hữu dự phong. Tứ kim phi thừa cảnh mệnh miễn niệm thân hưu, trú phong vi Đoan Túc Dực Bảo Trung Hưng chi thần, chuẩn y cựu phụng sự. Thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai.

Thành Thái nguyên niên, thập nhất nguyệt, thập bát nhật.

Bắc Kỳ Kinh lược nha phụng lục.

Hà Nam tỉnh phụng sao.

Dựa vào văn bản cụ thể trên đây, chúng ta lọc ra và tìm hiểu ý nghĩa của một số từ và cụm từ mà hầu như văn bản sắc thần nào cũng lặp đi lặp lại.

1. *Sắc 敕* : Nguyên có nghĩa là mệnh lệnh, chỉ dụ hay chiếu thư của hoàng đế. Ở đây được dùng như động từ với nghĩa “sắc cho, sắc phong cho, lệnh cho...”.

2. *Phụng sự 奉事* : Thờ, thờ phượng.

3. *Trang Chính Tĩnh Đức Thành Hoàng Trang Hiến chi thần 莊正靜德城隍莊憲之神* : Thần Thành hoàng Trang Hiến với các mỹ hiệu Trang Chính, Tĩnh Đức.

4. *Hộ quốc tế dân nhẫm trú linh ứng 護國庇民稔著靈應* : Giúp nước phò dân từ lâu đã tỏ rõ linh ứng.

5. *Hướng lai vị hữu dự phong 向來未有預封* : Trước nay chưa từng được phong.

6. *Tứ kim phi thừa cảnh mệnh miễn niệm thân hưu*:

- *Tứ kim phi thừa cảnh mệnh 肆今丕承耿命* : Vây nay vâng theo mệnh sáng (ý nói là thiên tử được lên ngôi thay trời trị dân; chữ *phi 丕* là một trợ từ vô nghĩa).

- *Miễn niệm thân hưu 緬念神庥* : Triền miên nghĩ đến sự tốt lành của thần (nghĩa là, luôn nghĩ đến ơn thần).

7. *Trú phong vi Đoan Túc Dực Bảo Trung Hưng chi thần 著封為端肅翊保中興之神* : Phong rõ làm (ý nói chính thức phong) thần Đoan Túc Dực Bảo Trung Hưng (đây là các mỹ hiệu của thần).

8. *Chuẩn y cữu phụng sự* 準依舊奉事 : Cho phép thờ phượng như cũ.

9. *Thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân* 神其相侑保我黎民 : Thần hãy phù hộ và bảo vệ cho dân đen của ta (chữ kỳ 其 là một trợ từ biểu thị ý khuyến lệnh, cầu khiến).

10. *Khâm tai* 欽哉 : Kính vậy thay!

11. *Thành Thái nguyên niên, thập nhất nguyệt, thập bát nhật* 成泰元年拾壹月拾捌日 : Niên hiệu Thành Thái năm đầu, tháng 11, ngày 18.

Mười một từ và cụm từ nêu trên có thể xem là những câu chữ có tính chất định thức của mọi sắc thần. Tuy nhiên, cũng với những ý tương tự, từng sắc thần cụ thể có thể có những câu chữ hơi khác, nói chung đại đồng tiểu dị. Để thấy được điều này, chúng ta hãy so sánh theo bảng dưới đây.

Bảng so sánh đôi chỗ dị biệt trong câu chữ của các sắc thần

1. Sắc	Sắc chỉ
2. Phụng sự	Tông tiền phụng sự, nguyên tặng (Trước đây thờ phượng, nguyên đã tặng cho danh hiệu là...)
3. Hướng lai vị hữu dự phong	- Hướng lai vị mông ban cấp sắc văn Trước nay chưa từng được ban cấp sắc văn... - Tiết mông ban cấp sắc phong chuẩn hứa phụng sự. - Tiết kinh ban cấp sắc phong chuẩn kỳ phụng sự. - Tiết mông ban cấp tặng sắc lưu tự (Theo thứ bậc được ban cấp tặng sắc để giữ lại thờ). - Tứ kim phi ứng cảnh mệnh. - Kim phi ứng cảnh mệnh. - Tứ kim chính trị trẫm tử tuần đại khánh kiết, kinh ban bảo chiếu đàm ân lễ long đẳng trật (có khi là “khâm phụng bảo chiếu” thay cho “kinh ban bảo chiếu”; cả đoạn có nghĩa là: Vậy nay nhằm dịp lễ mừng thọ tử tuần của trẫm, ban chiếu lễ đàm ân cho thăng trật trọng thể).
4. Tứ kim phi thừa cảnh mệnh	- Tặng vi (Tặng cho làm...) - Khả gia tặng (Đáng tặng thêm...) - Trứ gia tặng (Chính thức tặng thêm).
5. Trứ phong vi	- Đặc chuẩn (y cữu) phụng sự. - Nhưng chuẩn (cai xã) y cữu phụng sự (Vẫn cho xã ấy thờ phụng như cũ). - Đặc chuẩn phụng sự, dụng chí quốc khánh nhi thân tự điển (Đặc biệt cho phép phụng thờ, để ghi nhớ ngày quốc khánh và ghi vào điển thờ).
6. Chuẩn y cữu phụng sự	Thứ cơ thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân (Hy vọng thần sẽ phù hộ và bảo vệ cho dân đen của ta).
7. Thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân	

Nhờ phân tích và hiểu được ý nghĩa của từng câu chữ cơ bản trên cơ sở so sánh, đối chiếu hàng trăm văn bản khác nhau, chúng ta mới có thể đọc hiểu một cách chính xác những sắc thần còn nguyên vẹn, và có khả năng đoán đọc được cả một số chữ bị rách mất trên các sắc thần khác đã quá cũ nát.

Do thiếu tư liệu nghiên cứu nên cũng dễ xảy ra những trường hợp chầm, phẩy không đúng loại văn bản vốn không dùng dấu ngắt câu như sắc thần, và

do đó dẫn tới việc đọc sai, hiểu sai như trường hợp ở quyển *Đình Nam Bộ - Tín ngưỡng và nghi lễ*^(*) của các tác giả Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường và Hồ Tường. Trái lại, một sự phân tích tỉ mỉ để hiểu đúng từng câu chữ trong các sắc thần còn giúp ta nắm vững thêm một số đặc điểm về hành văn và cách sử dụng từ ngữ của Hán văn Việt Nam.

T V C

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Kế Bính. *Việt Nam phong tục*, Nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1973.
2. Sơn Nam. *Đình miếu và lễ hội dân gian*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1992.
3. Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, Hồ Tường. *Đình Nam Bộ - Tín ngưỡng và nghi lễ*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1993.
4. Các bản chính sắc thần (do ông Nguyễn Mạnh Hùng, Hiệu trưởng Trường Đại học Dân lập Hồng Bàng sưu tầm).

TÓM TẮT

Sắc thần hay sắc phong thần là văn bản chính thức của vua ban để thừa nhận và phong tặng hoặc truy tặng thêm danh hiệu cho một hay nhiều vị thần được dân chúng địa phương thờ phượng và tín ngưỡng. Dựa vào kết quả khảo sát trên 150 bản sắc thần đã sưu tầm được, tác giả bài viết nhận thấy các bài sắc đều có một định thức tương đối thống nhất về hành văn, câu chữ và cách dùng từ. Nhờ phân tích và hiểu được ý nghĩa của từng câu chữ cơ bản trên cơ sở so sánh, đối chiếu hàng trăm văn bản khác nhau, chúng ta mới có thể đọc hiểu một cách chính xác những sắc thần còn nguyên vẹn, và có khả năng đoán đọc được cả một số chữ bị rách mất trên các sắc thần đã quá cũ nát.

ABSTRACT

A PRELIMINARY STUDY ON THE ROYAL-RECOGNITION CERTIFICATES FOR DEITIES IN VIETNAM

Royal-recognition certificates for deities are the king's official decrees to recognize meritorious deities, or grant titles to deities that are revered and worshipped by people. On the basis of a survey on 150 royal certificates he succeeds to collect, the author realizes that all the texts on the certificates follow a relatively universal principle for their style, syntax and vocabulary. Only by means of analysis and understanding of every word and sentence through comparison of each texts to numerous others can we exactly comprehend the royal-recognition certificates which are still intact and deduct the missing words on those found in battered conditions.

* Trong cuốn sách này, ở phần Phụ lục (tr. 269-274), các tác giả có phiên âm và dịch nghĩa 5 sắc thần của các đình thần Nam Bộ. Đoạn câu "*Tứ kim...*" thường bị ngắt bằng dấu chấm sau chữ *Tứ*; cụm từ "*y cứu phụng sự*" lẽ ra dứt câu rồi mới tới đoạn "*thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân*" nhưng các tác giả đã đọc lầm thành "*y cứu phụng sự thần. Kỳ tương hựu bảo ngã lê dân*" (để dấu chấm sau chữ "thần" vì không rõ mạch văn). Trong sách có vài chỗ dịch sai như:

- *Tứ kim phi ưng cảnh mệnh*, dịch là: Nay ta ít đức lãnh sứ mạng lớn (trong cụm từ này không có chữ nào có nghĩa là "ít đức").

- *Hướng lai vị mông kỳ cấp sắc văn* (trang 272), phải đọc là *Hướng lai vị mông ban cấp sắc văn* mới đúng. Câu này còn bị dịch sai là: Hướng về tương lai trăm cấp sắc văn ghi ân (trang 273); lẽ ra phải dịch là: Trước nay chưa từng được ban cấp sắc văn ("*Hướng lai*" trong câu này là một trạng ngữ, có nghĩa là "từ trước đến nay"). TVC